**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI ĐỀ CƯƠNG ÔN THI HỌC KỲ I**

**TRƯỜNG THPT VIỆT ĐỨC MÔN GDCD 12**

A***. MỤC TIÊU***

**Giúp học sinh:**

- Củng cố lại các kiến thức đã đã học, nắm chắc các kiến thức chính.

- Có ý thức vận dụng những kiến thức đó trong cuộc sống. Có thái độ nghiêm túc trong học tập.

- Hs có kỹ năng tổng hợp hệ thống hóa một cách chính xác, khoa học các kiến thức cần nhớ, chuẩn bị kiểm tra học kỳ I.

***B. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:***

Gv: Sgk, Stk, bảng phụ, phiếu học tập.

Hs: Chuẩn bị bài ở nhà.

***C. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP:***

***I. Ổn định tổ chức lớp:***

***Kiểm tra bài cũ:***Kiểm tra phần chuẩn bị của học sinh.

***III. Giảng bài mới:***

***1. Đặt vấn đề:***Gv: Nêu yêu cầu của tiết ôn tập, gợi dẫn học sinh vào bài.

***2. Triển khai bài:***

***Hoạt động 1: Hướng dẫn học sinh ôn tập phần lý thuyết***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò**  1. Pháp luật và đời sống:    2. Thực hiện pháp luật:    3. Công dân bình đẵng trước pháp luật:    4. Quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội :    **Hs:**  -Chia làm 6 nhóm thảo luận, hoặc trình bày lại nội dung bài học bằng các sơ đồ tư duy.  -Đại diện các nhóm trình bày  -Các nhóm khác lắng nghe bổ sung         GV:  -Nhận xét bổ sung  -Chốt lại những ý chính | **Nội dung kiến thức**  ***I. Lý thuyết***  **1. Pháp luật và đời sống:**  - Khái niệm, đặc trưng và bản chất của pháp luật.  -Mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế, chính trị, đạo đức.  -Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.  **2. Thực hiện pháp luật:**  -Khái niệm, các hình thức và các giai đoạn thực hiện pháp luật.  -Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.  **3. Công dân bình đẵng trước pháp luật:**  -Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.  -Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.  -Trách nhiệm của nhà nước trong việc bảo đảm quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.  **4. Quyền bình đẳng của công dân trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội**  -Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.  -Bình đẳng trong lao động.  -Bình đẳng trong kinh doanh. |

***Hoạt động 2:***

***Hướng dẫn hs làm một số bài tập ở SGK và gải quyết một số tình huống pháp luật thường gặp trong cuộc sống hàng ngày.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò**  ***- Hướng dẫn hs làm một số bài tập ở SGK.***  ***-Giải quyết một số tình huống pháp luật.***  Thời gian còn lại gv yêu cầu học sinh xem lại các bài tập sau mỗi bài học.  Bài tập nào còn vướng mắc hs trao đổi với nhau.  Gv: Giải đáp thắc mắc khi học sinh yêu cầu. | **Nội dung kiến thức**  ***II. Bài tập***    (Các bài tập trong SGK) |

***IV. Củng cố:***

Gv: Phát phiếu học tập cho học sinh về nội dung có liên quan đến một số bài học.

Hs: Làm bài vào phiếu học tập

Gv: Nhận xét bài làm của các em, sau đó khái quát nội dung ôn tập.

Gv: Khái quát nội dung chính

***V. Dặn dò:***

Học bài, hoànthành các bài tập.

Chuẩn bị kiểm tra học kỳ I.

***LƯU Ý:***

1. Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm 100% (40 câu – 0.25 điểm/1 câu)

2. Thời gian kiểm tra 45 phút**NỘI DUNG ÔN TẬP CHI TIẾT**

**PHẦN 1: LÝ THUYẾT**

**BÀI 1: PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG**

**1. Khái niệm pháp luật.**

***a. Pháp luật là gì?***

- Pháp luật là những quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung, do nhà nước xây dựng, ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

***b. Ba đặc trưng của pháp luật.***

**\* Pháp luật có tính quy phạm phổ biến.**

- Pháp luật là những quy tắc xử sự chung, là khuân mẫu, được áp dụng nhiều lần, ở mọi nơi, đối với mọi tổ chức, cá nhân, trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

\* **Pháp luật mang tính quyền lực, bắt buộc chung.**

- Pháp luật do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện, bắt buộc đối với mọi tổ chức, cá nhân, bất kì ai cũng phải thực hiện, bất kì ai vi phạm cũng đều bị xử lí nghiêm theo quy định của pháp luật.

\* **Pháp luật có tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.**

- Hình thức thể hiện của pháp luật là các “văn bản quy phạm pháp luật”.

- Thẩm quyền ban hành “văn bản quy phạm pháp luật” của các cơ quan nhà nước được quy định trong Hiến pháp và Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Các “văn bản quy phạm pháp luật” nằm trong một hệ thống thống nhất: văn bản do cơ quan nhà nước cấp dưới ban hành không được trái với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; nội dung của các văn bản đều phải phù hợp, không được trái Hiến pháp vì Hiến pháp là luật cơ bản của nhà nước.

**2. Bản chất của pháp luật.**

***a. Bản chất giai cấp của pháp luật.***

- Pháp luật do nhà nước ban hành, phù hợp với ý chí của giai cấp cầm quyền mà nhà nước là đại diện.

- Pháp luật xã hội chủ nghĩa thể hiện ý chí của giai cấp công nhân, mà đại diện là nhà nước của nhân dân lao động.

***b. Bản chất xã hội của của pháp luật.***

- Pháp luật bắt nguồn từ thực tiễn đời sống xã hội, do thực tiễn cuộc sống đòi hỏi.

- Pháp luật không chỉ phản ánh ý chí của giai cấp thống trị mà còn phản ánh nhu cầu, lợi ích của các giai cấp và các tầng lớp dân cư khác trong xã hội.

- Các quy phạm pháp luật được thực hiện trong thực tiễn đời sống xã hội, vì sự phát triển của xã hội.

**3. Mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế, chính trị, đạo đức.**

***c. Mối quan hệ giữa pháp luật với đạo đức.***

- Trong hàng loạt quy phạm pháp luật luôn thể hiện các quan niệm về đạo đức có tính phổ biến, phù hợp với sự phát triển và tiến bộ xã hội, nhất là pháp luật trong các lĩnh vực dân sự, hôn nhân và gia đình, văn hóa, xã hội, giáo dục.

- Pháp luật là một phương tiện đặc thù để thể hiện và bảo vệ các giá trị đạo đức.

- Những giá trị cơ bản nhất của pháp luật - công bằng, bình đẳng, tự do, lẽ phải cũng là những giá trị đạo đức cao cả mà con người luôn hướng tới.

**4. Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.**

***a. Pháp luật là phương tiện để nhà nước quản lí xã hội.***

- Nhà nước công bố công khai, kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, tiến hành nhiều biện pháp thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật.

***b. Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.***

- Quyền và nghĩa vụ công dân được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật, trong đó quy định rõ công dân được phép làm gì. (Các văn bản quy phạm pháp luật về hành chính, khiếu nại và tố cáo, hình sự, tố tụng quy định thẩm quyền, nội dung, hình thức, thủ tục giải quyết các tranh chấp, khiếu nại và xử lí các vi phạm pháp luật xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.)

- Căn cứ vào các quy định này, công dân thực hiện, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

**1. Bảng so sánh đạo đức và pháp luật:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí so sánh** | **Đạo đức** | **Pháp luật** |
| **Nguồn gốc** | Hình thành từ đời sống xã hội. | Các quy tắc xử sự trong đời sống xã hội, được Nhà nước ghi nhận thành các quy phạm pháp luật. |
| **Nội dung** | Các quan niệm, chuẩn mực thuộc đời sống tinh thần, tình cảm của con người (thiện, ác, lương tâm, nhân phẩm, danh dự nghĩa vụ,...) | Các quy tắc xử sự (việc được làm, việc phải làm, việc không được làm). |
| **Hình thức thể hiện** | Trong nhận thức, tình cảm của con người. | Văn bản quy phạm pháp luật. |
| **Phương thức tác động** | Tự giác điều chỉnh bởi lương tâm và dư luận xã hội. | Giáo dục cưỡng chế bằng quyền lực nhà nước. |

**BÀI 2: THỰC HIỆN PHÁP LUẬT**

**1. Khái niệm, các hình thức, các giai đoạn thực hiện pháp luật.**

***a. Khái niệm thực hiện pháp luật.***

- Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích, làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi hợp pháp của các cá nhân, tổ chức.

***b. Các hình thức thực hiện pháp luật.***

**\* Sử dụng pháp luật.**

- Các cá nhân, tổ chức sử đụng đúng đắn các quyền của mình, làm những việc mà pháp luật cho phép làm.

**\* Thi hành pháp luật**.

- Các cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ của mình bằng hành động tích cực, chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm.

**\* Tuân thủ pháp luật.**

- Các cá nhân, tổ chức không làm những việc mà pháp luật cấm làm.

**\* Áp dụng pháp luật.**

- Cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào các quy định của pháp luật, ban hành các quyết định làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt các quyền, nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức.

**Có hai trường hợp như sau:**

**+ Thứ nhất**, cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền ban hành các quyết định trong quản lí, điều hành.

**+ Thứ hai,** cơ quan nhà nước ra quyết định xử lí người vi phạm pháp luật hoặc giải quyết tranh chấp giữa các cá nhân, tổ chức.

**2. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.**

***a. Vi phạm pháp luật.***

- Vi phạm pháp luật: là hành vi trái pháp luật, có lỗi, do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

\* Một hành vi bị coi là vi phạm pháp luật phải có đủ 3 dấu hiệu cơ bản sau:

**- Dấu hiệu 1:** Là hành vi trái pháp luật. + Hành vi trái pháp luật có thể là hành động: Cá nhân, tổ chức làm những việc không được làm theo quy định của pháp luật.

+ Hành vi trái pháp luật có thể là không hành động: Cá nhân, tổ chức không làm những việc phải làm theo quy định của pháp luật.

**- Dấu hiệu 2:** Do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện.

(Năng lực trách nhiệm pháp lí của một người phụ thuộc vào độ tuổi và tình trạng sức khỏe - tâm lí. Người có năng lực trách nhiệm pháp lí phải là:

+ Người đã đạt độ tuổi nhất định theo quy định của pháp luật, người từ đủ 16 tuổi trở lên có đủ năng lực trách nhiệm pháp lí hành chính và hình sự.

+ Người có thể nhận thức và điều khiển được hành vi của mình, tự quyết định cách xử sự của mình ( không bị bệnh về tâm lí làm mất hoặc hạn chế khả năng nhận thức về hành vi )

**- Dấu hiệu 3:** Người có hành vi trái pháp luật có lỗi.

(Lỗi:là trạng thái tâm lí phản ánh thái độ tiêu cực của chủ thể đối với hành vi trái pháp luật của mình và đối với hậu quả của hành vi đó. Lỗi thể hiện thái độ của người biết hành vi của mình là sai, trái pháp luật, có thể gây ra hậu quả không tốt nhưng vẫn cố ý làm hoặc vô tình để mặc cho sự việc xảy ra. Lỗi được thể hiện dưới 2 hình thức: lỗi cố ý, lỗi vô ý).

***b. Trách nhiệm pháp lí.***

- Chủ thể vi phạm pháp luật xâm hại đến các quan hệ xã hội mà pháp luật bảo vệ, vì thế, nhà nước thông qua pháp luật buộc chủ thể vi phạm phải chịu trách nhiệm pháp lí về hành vi vi phạm của mình.

- Trách nhiệm pháp lí là nghĩa vụ mà các cá nhân, tổ chức phải gánh chịu hậu quả bất lợi từ hành vi vi phạm pháp luật của mình.

- Trách nhiệm pháp lí được áp dụng nhằm:

+ Buộc các chủ thể vi phạm pháp luật chấm dứt hành vi trái pháp luật.

+ Giáo dục, răn đe những người khác để họ tránh, hoặc kiềm chế những việc làm trái pháp luật.

***c. Các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí.***

**\* Vi phạm hình sự.**

- Là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị coi là tội phạm được quy định trong Bộ luật Hình sự.

- Người có hành vi vi phạm hình sự phải chịu trách nhiệm hình sự, thể hiện ở việc phải chấp hành hình phạt theo quyết định của Tòa án.

**\* Vi phạm hành chính.**

- Là hành vi do cá nhân, tổ chức, cơ quan thực hiện, có mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn tội phạm, xâm hại các qui tắc quản lí nhà nước.

- Người vi phạm hành chính phải chịu trách nhiệm hành chính, như: bị phạt tiền, phạt cảnh cáo, khôi phục lại tình trạng ban đầu, thu giữ tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm…

**\* Vi phạm dân sự.**

- Là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân.

- Người có hành vi vi phạm dân sự phải chịu trách nhiệm dân sự, như: bồi thường thiệt hại về vật chất và đôi khi còn có trách nhiệm bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần.

**\* Vi phạm kỉ luật.**

- Là hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến kỉ luật lao động và công vụ nhà nước trong các cơ quan, trường học, doanh nghiệp.

- Người vi phạm kỉ luật phải chịu trách nhiệm kỉ luật với các hình thức khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, chuyển công tác khác, buộc thôi việc.

**1. Bảng phân biệt các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí tương ứng.**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại**  **vi phạm** | **Chủ thể vi phạm** | **Hành vi** | **Trách nhiệm** | **Chế tài**  **trách nhiệm** | **Chủ thể**  **áp dụng pháp luật** |
| **Hình sự** | Cá nhân | Gây nguy hiểm cho xã hội. | Hình sự | Nghiêm khắc nhất | Tòa án |
| **Hành chính** | Cá nhân, tổ chức | Xâm phạm các quy tắc quản lý nhà nước. | Hành chính | Phạt tiền, cảnh cáo, khôi phục hiện trạng ban đầu, thu giữ tang vật phương tiện,…dùng để vi phạm. | Cơ quan quản lí nhà nước |
| **Dân sự** | Cá nhân, tổ chức | Xâm phạm tới các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân. | Dân sự | Bồi thường thiệt hại, thực hiện nghĩa vụ dân sự theo đúng thỏa thuận giữa các bên tham gia. | Tòa án |
| **Kỉ luật** | Cá nhân, tập thể | Xâm phạm các quy tắc kỉ luật lao động trong các cơ quan, trường học, doanh nghiệp, các quy định đối với cán bộ, công chức nhà nước. | Kỉ luật | Khiển trách, cảnh cáo, chuyển công tác khác, cách chức, hạ bậc lương, đuổi việc. | Thủ trưởng cơ quan, đơn vị hoặc người đứng đầu doanh nghiệp. |

**2. Những điểm giống và khác nhau giữa các hình thức thực hiện pháp luật.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Sử dụng pháp luật** | **Thi hành pháp luật** | **Tuân thủ pháp luật** | **Áp dụng pháp luật** |
| Chủ thể | Cá nhân, tổ chức | Cá nhân, tổ chức | Cá nhân, tổ chức | Cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền. |
| Phạm vi | Làm những gì pháp luật cho phép | Làm những gì pháp luật quy định phải làm | Không được làm những gì pháp luật cấm. | Căn cứ vào thẩm quyền và quy định của pháp luật, ban hành các quyết định cụ thể hoặc ra quyết định xử lí người vi phạm pháp luật hoặc giải quyết tranh chấp giữa các cá nhân, tổ chức. |
| Yêu cầu đối với chủ thể | Có thể làm hoặc không làm, không bị ép buộc | Phải làm, nếu không sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật | Không được làm, nếu không sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. | Bắt buộc tuân theo các thủ tục, trình tự chặt chẽ do pháp luật quy định. |

**BÀI 3: CÔNG DÂN BÌNH ĐẲNG TRƯỚC PHÁP LUẬT**

**1. Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.**

- Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ có nghĩa là bình đẳng về hưởng quyền và làm nghĩa vụ trước nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật. Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân.   
- Bất kì công dân nào, nếu đáp ứng các quy định của pháp luật đều được hưởng các quyền công dân.

- Ngoài việc hưởng quyền, công dân còn phải thực hiện các nghĩa vụ một cách bình đẳng theo quy định của pháp luật.

- Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, thành phần, địa vị xã hội.

**2. Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí.**

- Công dân dù ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì khi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm pháp lí theo quy định của pháp luật (trách nhiệm hành chính, dân sự, kỉ luật), không bị phân biệt đối xử.

**3. Trách nhiệm của Nhà nước trong việc đảm bảo quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.**

- Nhà nước ta không những bảo đảm cho công dân thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình mà còn xử lí nghiêm minh những hành vi vi phạm quyền và lợi ích của công dân, của xã hội.   
- Để đảm bảo cho mọi công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí, nhà nước không ngừng đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật phù hợp với từng thời kì nhất định làm cơ sở pháp lí cho việc xử lí mọi hành vi xâm hại quyền và lợi ích của công dân, của nhà nước và xã hội

**BÀI 4: QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI**

**1. Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.**

**a. Thế nào là bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.**

- Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình được hiểu là bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ, chồng và giữa các thành viên trong gia đình trên cơ sở nguyên tắc dân chủ,công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử trong các mối quan hệ ở phạm vi gia đình và xã hội.

**b. Nội dung bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.**

**\* Bình đẳng giữa vợ và chồng.**

- Trong quan hệ nhân thân: Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc lựa chọn nơi cư trú; tôn trọng và giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau; giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt.

- Trong quan hệ tài sản: Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, thể hiện ở các quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt.

+ Quyền chiếm hữu: Tài sản chung phải đăng kí sở hữu với tên cả vợ và chồng trong giấy chứng nhận quyền sở hữu.

+ Quyền sử dụng và định đoạt: Giao dịch dân sự (mua, bán, đổi, cho, vay mượn,…) liên quan đến tài sản chung – có giá trị lớn hoặc là nguồn sống duy nhất của gia đình - phải được bàn bạc, thoả thuận giữa vợ và chồng.

- Quyền và nghĩa vụ về tài sản giữa vợ và chồng bao gồm: Quyền sở hữu tài sản, quyền thừa kế, quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Vợ chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với tài sản chung:

+ Tài sản có giá trị phải đứng tên trong giấy chứng nhận sở hữu cả vợ và chồng.

+ Việc sử dụng,định đoạt tài sản chung phải được cả vợ và chồng bàn bạc, thỏa thuận.

- Ngoài ra, pháp luật còn thừa nhận

vợ, chồng có quyền có tài sản riêng…

**\* Bình đẳng giữa cha mẹ và con.**

- Cha mẹ phải thương yêu, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con; tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập và phát triển lành mạnh của con cả về vật chất, trí tuệ, đạo đức.

- Cha mẹ không được phân biệt đối xử giữa các con, ngược đãi, hành hạ, xúc phạm con (kể cả con nuôi); không được lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên; không xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

- Con có bổn phận yêu quý, kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ. Con không được có hành vi ngược đãi, hành hạ, xúc phạm cha mẹ.

**\* Bình đẳng giữa ông bà và cháu.**

- Thể hiện qua mối quan hệ hai chiều: nghĩa vụ và quyền của ông bà nội, ông bà ngoại đối với cháu và bổn phận của cháu đối với ông bà nội, ông bà ngoại.

**\* Bình đẳng giữa anh, chị, em.**

- Anh, chị, em có bổn phận thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ và quyền đùm bọc, nuôi dưỡng nhau trong trường hợp không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không có điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

**2. Bình đẳng trong lao động.**

**a. Thế nào là bình đẳng trong lao động.**

- Bình đẳng trong lao động được hiểu là bình đẳng giữa mọi công dân trong thực hiện quyền lao động thông qua tìm việc làm, bình đẳng giữa người sử dụng lao động và người lao động thông qua hợp đồng lao động, bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ trong từng cơ quan, doanh nghiệp và trong phạm vi cả nước.

**b. Nội dung cơ bản của bình đẳng trong lao động.**

**\* Công dân bình đẳng trong thực hiện quyền lao động.**

- Mọi người đều có quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm và nghề nghiệp phù hợp với khả năng của mình, không bị phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, nguồn gốc gia đình, thành phần kinh tế.

**\* Công dân bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động.**

- Trong quan hệ lao động cụ thể, quyền bình đẳng của công dân được thực hiện thông qua hợp đồng lao động.

- Việc giao kết hợp đồng lao động phải tuân theo nguyên tắc: tự do, tự nguyện, bình đẳng; không trái pháp luật và thỏa ước lao động tập thể; giao kết trực tiếp giữa người lao động với người sử dụng lao động.

**\* Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ.**

- Bình đẳng về cơ hội tiếp cận việc làm; bình đẳng về tiêu chuẩn; độ tuổi khi tuyển dụng; được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác.

**3. Bình đẳng trong kinh doanh.**

**a. Thế nào là bình đẳng trong kinh doanh.**

- Quyền bình đẳng trong kinh doanh là quyền bình đẳng của mọi cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ kinh tế, từ việc lựa chọn nghành nghề, địa điểm kinh doanh, lực chọn hình thức tổ chức kinh doanh, đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong quá trình sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.

**b. Nội dung quyền bình đẳng trong kinh doanh.**

- Mọi công dân, không phân biệt, nếu có đủ điều kiện đều có quyền tự do lực chọn hình thức tổ chức kinh doanh tùy theo điều kiện và khả năng của mình.

- Mọi doanh nghiệp đều có quyền tự chủ đăng kí kinh doanh trong những nghành, nghề mà pháp luật không cấm khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

- Mọi loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau đều được bình đẳng trong việc khuyến khích phát triển lâu dài.

- Mọi doanh nghiệp đều bình đẳng về quyền tự chủ kinh doanh để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

- Mọi doanh nghiệp đều bình đẳng về nghĩa vụ trong quá trình hoạt động kinh doanh.

**PHẦN 2: CÁC DẠNG CÂU TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1:** Việc đảm bảo cho PL được mọi người thi hành và tuân thủ trong thực tế là trách nhiệm của chủ thể nào dưới đây?

**A**. Công dân **B**.Tổ chức

**C**. Nhà nước **D**. Xã hội

**Câu 2:** Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự áp dụng cho

**A**. một số giai cấp trong xã hội **B**. một số người trong xã hội

**C**. tất cả các giai cấp trong xã hội **D**. tất cả mọi người trong xã hội

**Câu 3:** Nội dung nào dưới đây không phải là đặc trưng của pháp luật

**A**. Tính quy phạm phổ biến **B**.Tính thuyết phục, nêu gương

**C**.Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức **D**.Tính quyền lực, bắt buộc chung

**Câu 4:** “Nội dung của tất cả các văn bản quy phạm đều phải phù hợp, không được trái với Hiến pháp” , khẳng định này đề cập đến

**A**. Tính quyền lực, bắt buộc chung **B**.Tính khuôn mẫu, ràng buộc

**C**.Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức **D**. Tính quy phạm phổ biến

**Câu 5**: Đặc trưng làm nên giá trị công bằng, bình đẳng của pháp luật là

**A**. Tính chính xác, một nghĩa trong văn bản **B**. Tính quy phạm phổ biến

**C**.Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức **D**. Tính ràng buộc chặt chẽ

**Câu 6:** Pháp luật là phương tiện để

**A**. quản lí nhà nước **B**. quản lí công dân

**C**. quản lí xã hội **D**. quản lí kinh tế

**Câu 7:** Đặc trưng nào dưới đây là ranh giới để phân biệt pháp luật với các quy phạm xã hội khác

**A**. Tính quy phạm phổ biến **B**. Tính quyền lực, bắt buộc chung

**C**.Tính xác định chặt chẽ về nội dung **D**. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

**Câu 8:** Pháp luật là phương tiện để nhà nước thực hiện vai trò

**A**. bảo vệ xã hội **B**. bảo vệ công dân

**C**. quản lí xã hội **D**. quản lí công dân

**Câu 9:** Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ

**A**. quyền và lợi ích kinh tế của mình

**B**. các quyền và nghĩa vụ của mình

**C**. các quyền và lợi ích cơ bản của mình

**D**. quyền và lợi ích hợp pháp của mình

**Câu 10:** Văn bản có hiệu lực pháp lí thấp hơn không được trái với văn bản pháp lí cao hơn là nội dung đặc trưng nào dưới đây của pháp luật

**A**. Tính quy phạm phổ biến **B**. Tính quyền lực, bắt buộc chung

**C**. Tính xác định chặt chẽ về hình thức **D**. Tính xác định chặt chẽ về mặt nội dung

**Câu 11.** Vào ca trực của mình tại trạm thủy nông, anh A rủ các anh B, C, D đến liên hoan. Ăn xong anh A và B say rượu nên ngủ ngay trên sàn nhà, còn anh C và D thu dọn bát đĩa. Thấy nhiều đèn nhấp nháy, anh C tò mò bấm thử, không ngờ chạm phải cầu dao vận hành cửa xả lũ. Lượng nước lớn, tóc độ xả nhanh đã gây ngập làm thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản quanh vùng. Hoảng sợ, anh C và D bỏ trốn. Những người sau đây ai phải chịu trách nhiệm hình sự?

**A**. Anh B, C, D **B**. Anh A, C, D

**C**. Anh A, B, C, D **D**. Anh C, D

**Câu 12.** Công dân không làm những điều mà pháp luật cấm là

**A**. vận dụng chính sách **B**. thực hiện chính sách

**C**. tuân thủ pháp luật **D**. sử dụng pháp luật

**Câu 13.** Khi lấn chiếm một phần đất lưu không để xây nhà ở, công dân phải chịu trách nhiệm pháp lí nào sau đây?

**A**. Hình sự **B**. Hành chính

**C**. Dân sự **D**. Kỷ luật

**Câu 14.** Mặc dù bị bạn xấu dụ dỗ nhưng học sinh N vẫn cương quyết không tham gia cổ vũ đua xe. Học sinh N đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

**A.** Tuân thủ pháp luật **B**. Áp dụng pháp luật

**C**. Thi hành pháp luật **D**. Sử dụng pháp luật

**Câu 15.** Phát hiện anh C đã tung tin đồn thất thiệt về chị trên mạng xã hội nên chị B đã kể lại việc này với chị T. Sau khi yêu cầu anh C gỡ bỏ thông tin sai lệch về mình không được, chị T rất bực mình. Thương bạn, chị B đã tung tin cả nhà anh C nhiễm HIV khiến gia đình anh C bị kỳ thị còn anh C bị trầm cảm. Chị B đã vi phạm pháp luật nào sau đây?

**A**. Hình sự **B**. Hành chính

**C**. Dân sự **D**. Kỷ luật

**Câu 16.** Phát hiện khách sạn Z không đảm bảo an toàn cháy nổ, anh T dọa sẽ làm đơn tố cáo. Bực tức, giám đốc cùng nhân viên khách sạn nhốt anh T trong tầng hầm 3 ngày khiến anh T bị hoảng loạn tinh thần. Giám đốc khách sạn Z phải chịu trách nhiệm pháp lý nào sau đây?

**A**. Hình sự **B**. Dân sự

**C**. Kỷ luật **D**. Hành chính

**Câu 17**. Trên đường chở bạn gái đi chơi bằng xe mô tô, do phóng nhanh vượt ẩu nên anh K đã va chạm vào xe anh B đang đi ngược chiều nên 2 bên to tiếng với nhau. Thấy người đi đường dừng lại dùng điện thoại di động quay Video, anh K và bạn gái bỏ đi. Những ai dưới đây phải chịu trách nhiệm hành chính?

**A**. Anh K và anh B **B**. Anh K và bạn gái

**C**. Anh K, bạn gái và người quay video **D**. Anh B, K và bạn gái

**Câu 18.** Theo quy định của pháp luật, công dân có hành vi xâm phạm đến quan hệ nhân thân phải chịu trách nhiệm

**A**. dân sự **B**. truy tố

**C**. hành chính **D**. quản thúc

**Câu 19.** Nhà máy A không xây dựng hệ thống xử lý chất thải khiến môi trường bị ô nhiễm nên bà con quanh vùng đã làm đơn phản ảnh. Nhà máy A phải chịu trách nhiệm pháp lý nào dưới đây?

**A**. Hình sự **B**. Hành chính

**C**. Dân sự **D**. Kỷ luật

**Câu 20.** Sau khi mua xe ô tô, anh A đến cơ quan chức năng làm thủ tục đăng ký xe là thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

**A**. Tuân thủ pháp **B**. Áp dụng pháp luật

**C**. Thi hành pháp luật **D**. Sử dụng pháp luật

**Câu 21**  Pháp luật nước ta quy định, cùng với tiếng phổ thông, các dân tộc có thể dùng tiếng nói, chữ viết riêng của mình là thể hiện sự bình đẳng của công dân trong lĩnh vực nào dưới đây?

**A**. Bình đẳng trong lĩnh vực chính trị.

**B**. Bình đẳng trong thực hiện nghĩa vụ.

**C**. Bình đẳng trong thực hiện trách nhiệm pháp lí.

**D**. Bình đẳng trong việc hưởng quyền.

**Câu 22**: Mọi công dân khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đều được tự chủ đăng kí kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm là thể hiện bình đẳng về

**A**. nghĩa vụ. **B**. quyền.

**C**. trách nhiệm. **D**. tập tục.

**Câu 23** : Người lao động nếu đủ tuổi theo quy định của Bộ luật Lao động, có khả năng lao động và giao kết hợp đồng lao động đều có thể làm việc, tự do lựa chọn việc làm không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo...là thể hiện bình đẳng về

**A**. nghĩa vụ. **B**. quyền.

**C**. trách nhiệm. **D**. tập tục.

**Câu 24**: Lao động nam và lao động nữ bình đẳng về tuyển dụng, sử dụng, nâng bậc lương và trả công lao động là thể hiện bình đẳng về

**A**. nghĩa vụ. **B**. quyền.

**C**. trách nhiệm. **D**. tập tục.

**Câu 25**: Cơ quan X ra quyết định tuyển dụng viên chức đối với chị A vì chị có thành tích học tập cao hơn các ứng viên cùng nộp hồ sơ. Cơ quan X đã tạo điều kiện để công dân bình đẳng trước pháp luật ở nội dung nào dưới đây?

**A**. Hưởng quyền. **B**. Thực hiện nghĩa vụ.

**C**. Chịu trách nhiệm pháp lí. **D**. Cung cấp dịch vụ.

**Câu 26** : Anh D và anh B bị toàn án nhân dân huyện X tuyên án tù 2 năm tù vì tội cùng nhau trộm cắp tài sản, mặc dù anh D là con của một cán bộ cao cấp. Việc làm của toàn án nhân dân huyện X thể hiện công dân bình đẳng trước pháp luật ở nội dung nào dưới đây?

**A**. Chịu trách nhiệm pháp lý. **B**. Bình đẳng về tài sản.

**C**. Hưởng quyền. **D**. Thực hiện nghĩa vụ.

**Câu 27** : Tổ bầu cử đại biểu Quốc hội ở địa phương X đã mang hòm phiếu phụ đến nhà cụ A đang bị ốm để cụ được bỏ phiếu. Việc làm của tổ bầu cử đã tạo điều kiện để công dân bình đẳng trước pháp luật ở nội dung nào dưới đây?

**A**. Hưởng quyền. **B**. Chăm sóc y tế.

**C**. Chịu trách nhiệm pháp lí. **D**. Cung cấp thông tin.

**Câu 28**: Ông T cán bộ chức năng đã tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy phép kinh doanh cho những công dân có đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Ông T đã đã tạo điều kiện để công dân bình đẳng trước pháp luật ở nội dung nào dưới đây?

**A**. Hưởng quyền. **B**. Thực hiện nghĩa vụ.

**C.** Chịu trách nhiệm pháp lí. **D**. Cung cấp dịch vụ.

**Câu 29** : Bà A và bà B phân phối thực phẩm chức năng không rõ nguồn gốc nên bị ông Q cán bộ chức năng lập biên bản xử phạt cả hai người. Việc làm của ông Q thể hiện công dân bình đẳng trước pháp luật ở nội dung nào dưới đây?

**A**. Chịu trách nhiệm pháp lí. **B**. Thực hiện nghĩa vụ.

**C**. Hưởng quyền. **D**. Cung cấp dịch vụ.

**Câu 30** : Công ty của bà A và ông C cùng phạm lỗi xả thải chưa qua xử lý ra môi trường nên bị ông M cán bộ chức năng lập biên bản xử phạt. Việc làm của ông C thể hiện công dân bình đẳng trước pháp luật ở nội dung nào dưới đây?

**A**. Chịu trách nhiệm pháp lí. **B**. Thực hiện nghĩa vụ.

**C**. Hưởng quyền. **D**. Tự chủ tài chính.

**Câu 31:** Sau khi tiếp cận được một số bí quyết kinh doanh từ công ty Z,chị L đã tìm cách hợp pháp hóa hồ sơ rồi tự mở cơ sở riêng dưới danh nghĩa của công ty này. Chị L đã vi phạm nội dung nào dưới đây của quyền bình đẳng trong kinh doanh?

**A**. Chủ động liên doanh, liên kết. **B**. Độc lập tham gia đàm phán.

**C**.Tự chủ đăng kí kinh doanh. **D**. Phổ biến quy trình kĩ thuật.

**Câu 32**: X là nữ sinh vừa tốt nghiệp ngành ngân hàng đến Ngân hàng B để xin việc. Ngân hàng B nói thẳng với X rằng cơ quan không muốn nhận nữ vào làm việc. X nói rằng việc tuyển người như vậy là trái pháp luật nhưng ông giám đốc vẫn khăng khăng từ chối. Ngân hàng B đã vi phạm nội dung quyền bình đẳng nào của công dân trong lĩnh vực lao động?

**A**. Thực hiện quyền lao động

**B**. Trong giao kết hợp đồng lao động.

**C**. Giữa lao động nam và lao động nữ.

**D**. Bình đẳng giữa người lao động và người sử dụng lao động

**Câu 33**: Trong thời gian chờ quyết định li hôn của Tòa án, chị A nhận được tin đồn anh B chồng chị đang tổ chức tiệc cưới với chị H tại nhà hàng X. Vốn đã nghi ngờ từ trước, chị A cùng con rể đến nhà hàng, bắt gặp anh B đang liên hoan vui vẻ với các đồng nghiệp, hai mẹ con lao vào sỉ nhục anh thậm tệ. Những ai dưới đây vi phạm quyền hôn nhân và gia đình?

**A**. Chị A, anh B và chị H. **B**. Chị A và con rể.

**C**. Chị A, anh B, con rể và chị H. **D**. Chị A, anh B và con rể.

**Câu 34**: Biết chồng giấu một khoản thu nhập của gia đình mình để làm tài sản riêng, Bà L đã tìm cách lấy trộm để cho cháu gái V chung vốn với người yêu (anh K) để mở kinh doanh quần áo. Thấy cửa hàng đắt khách, bà L xui cháu V cất riêng ít tiền vào tài khoản của mình. Biết chuyện này, anh K đã tìm cách để một mình đứng tên khiến V bị trắng tay. Trong trường hợp này, những ai đã vi phạm quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình?.

**A**. Vợ chồng bà L và V. **B**. Vợ chồng bà L.

**C**. Vợ chồng bà L, anh K và V. **D**. Anh K và V.

**Câu 35**: Ông giám đốc D mê giọng hát của cô T nên đã chuyển cô từ phòng hành chính lên làm thư ký riêng. Do ghen tuông nên vợ ông D đã nói với K (là con rể) tìm cách làm quen T để tìm hiểu, không ngờ sau đó K và T nảy sinh tình cảm và quan hệ với nhau như vợ chồng khiến chồng cô T đòi ly hôn. Trong trường hợp này những ai dưới đây vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình?

**A**. Ông giám đốc và cô T. **B**. Anh K và cô T.

**C**. Vợ giám đốc. **D**. Anh K, cô T và vợ giám đốc.

**Câu 36**: M và H được tuyển dụng vào công ty X với điểm tuyển ngang nhau. Nhưng chị L là kế toán công ty đã xếp M được hưởng mức lương cao hơn do tốt nghiệp trước H một năm. H đã gửi đơn khiếu nại nhưng giám đốc cho rằng đó là chức năng của phòng nhân sự. Trong trường hợp này, những ai đã vi phạm quyền bình đẳng trong lao động?

**A**. Chị L và H. **B**. Chị L và M.

**C**. Giám đốc và chị L. **D**. Giám đốc và H.

**Câu 37**: Để có tiền tiêu sài, bố L bắt L (13 tuổi) phải nghỉ học để vào làm việc tại quán karaoke. Vì khá là cao ráo và xinh đẹp nên L thường xuyên được ông chủ cho đi tiếp khách và được trả rất nhiều tiền. Một lần L đã bị H ép L sử dụng ma túy. Biết được điều này, bố L đã thuê D đến đập phá nhà H và tung tin quán X chứa chấp gái mại dâm. Hành vi của ai vi phạm quyền bình đẳng trong lao động?

**A**. Chủ quán X, bố L. **B**. L và bố L.

**C**. Bạn L. **D**. Chủ quán X và H.

**Câu 38**: Hai vợ chồng anh M và chị H cùng làm việc trong công ty Z. Vì con hay đau ốm, anh M đã yêu cầu chị H nghỉ việc chăm con và lo cho gia đình. Chị M cho rằng chăm con là trách nhiệm cả 2 vợ chồng nên bảo chồng cùng thay nhau xin nghỉ để chăm sóc con và chị không muốn nghỉ việc. Nghe con dâu nói vậy, mẹ anh M đã nhờ bà A, mẹ của Giám đốc công ty Z để bảo con trai buộc phải sa thải chị H. Những phạm quyền bình đẳng trong lao động?

**A**. Anh B, bà A. **B**. Mẹ con anh M.

**C**. Giám đốc công ty Z. **D**. Anh M và giám đốc công ty Z.

**Câu 39**: Hai cơ sở chế biến thực phẩm của ông T và ông Q cùng xả chất thải chưa qua xử lí gây ô nhiễm môi trường. Vì đã nhận tiền của ông T từ trước nên khi đoàn cán bộ chức năng đến kiểm tra, ông P trưởng đoàn chỉ lập biên bản xử phạt và đình chỉ hoạt động cơ sở chế biến của ông Q. Bức xúc, ông Q thuê anh G là lao động tự do tung tin bịa đặt cơ sở của ông T thường xuyên sử dụng hóa chất độc hại khiến lượng khách hàng của ông T giảm sút. Những ai dưới đây không vi phạm nội dung quyền bình đẳng trong kỉnh doanh?

**A**. Ông T, ông Q và ông P. **B**. Ông P và anh G.

**C**. Ông Q. **D**. Ông T, ông Q và anh G.

**Câu 40**: Chị P thuê ông M là chủ một công ty in làm bằng đại học giả rồi dùng bằng kinh doanh thuốc tân dược. Đồng thời, chị P tiếp cận với ông T là lãnh đạo cơ quan chức năng nhờ giúp đỡ mình và loại hồ sơ của chị K cũng đang xin đăng kí kinh doanh thuốc tân dược. Sau khi nhận của chị P năm mươi triệu đồng, ông T đã loại hồ sơ hợp lệ của chị K và cấp giấy phép kinh doanh cho chị P. Những ai dưới đây vi phạm nội dung quyền bình đẳng trong kinh doanh?

**A**. Chị P, Ông M và ông T. **B**. Chị P, ông M và chị K.

**C.** Chị P, Ông M, ông T và chị K. **D**. Chị P, chị K